

Họ và tên:

Lớp :



Bài tập cuối tuần Lớp 4 – Tuần 2

Kiến thức cần nhớ

- * Ôn tập về phép tính cộng, trừ, nhân, chia
- * Số chẵn, số lẻ:
 - Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 là số chẵn.
 - Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 là số lẻ.

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:



Câu 1. Trong các số: 4; 45; 158; 3 626, số lẻ là số:

- A. 4 B. 45 C. 158 D. 3 626

Câu 2. Số chẵn nhỏ nhất có 3 chữ số khác nhau là:

- A. 100 B. 102 C. 120 D. 124

Câu 3. Từ 1 đến 20 có tất cả số số chẵn là :

- A. 10 B. 15 C. 18 D. 20

Câu 4. Phép tính: $10\,386 + 29\,739$ có kết quả là:

- A. 40 125 B. 40 152 C. 41 125 D. 41 521

Câu 5. Tổng của 5 số lẻ liên tiếp từ số 1 là :

- A. 6 B. 10 C. 25 D. 30

Câu 6. Trong các số sau, số chẵn có 2 chữ số nào quay ngược lại vẫn là số chẵn?

- A. 32 B. 54 C. 76 D. 86

Câu 7. Bạn An có số nhãn vở là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số. Nếu Bình có 4 nhãn vở nữa thì số nhãn vở của bạn Bình hơn số nhãn vở của bạn An là 2 chiếc. Hỏi cả 2 bạn có bao nhiêu nhãn vở?

- A. 8 nhãn vở B. 9 nhãn vở C. 20 nhãn vở D. 24 nhãn vở

Câu 8. Một cửa hàng có 4 hộp bi, mỗi hộp có 390 viên bi. Nếu họ chia đều số bi trong các hộp đó vào 5 túi thì mỗi túi có chứa số viên bi là:

- A. 78 viên bi B. 87 viên bi C. 321 viên bi D. 312 viên bi



PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1

Đánh dấu màu xanh – dấu tích vào đám mây chứa số chẵn, đánh dấu màu đỏ - dấu nhân vào đám mây chứa số lẻ.



10 090

357

1 475

24

1 956

Bài 2

Tính giá trị biểu thức sau:



a. $51\,999 + (39\,023 - 286)$

.....
.....

b. $(15\,000 - 6000) \times 5 : 3$

.....
.....
.....

Bài 3

Giải bài toán sau:



Một đội công nhân làm đường đợt thứ nhất làm được 15 284 m đường. Đợt thứ hai làm được gấp 3 lần đợt thứ nhất. Hỏi đội công nhân ấy làm được tổng cộng bao nhiêu mét đường?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....